

Số: 1133 / QĐ-ĐHKTN

Nghệ An, ngày 02 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo cấp bằng đại học thứ 2, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

- Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập trường Đại học Kinh tế Nghệ An;
- Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ GD&ĐT về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Căn cứ Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ 2 ban hành kèm theo Quyết định số 22/2001/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
- Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học
- Căn cứ Quyết định số 682 /QĐ-ĐHKTN ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế Nghệ An;
- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo cấp bằng đại học thứ 2, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trường các đơn vị trong Trường, các giảng viên và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 1.3
- Lưu VT, ĐT



TS. Dương Xuân Thao

QUY ĐỊNH

Công nhận chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo cấp bằng đại học thứ 2, hình thức đào tạo Vừa làm vừa học

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1133/QĐ-ĐHKTNA ngày 02 tháng 12 năm
2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế Nghệ An)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc công nhận chuyển đổi kết quả học tập giữa đại học văn bằng thứ nhất với đại học văn bằng 2, hình thức vừa làm vừa học.
2. Đối tượng áp dụng là hoạt động đào tạo cấp bằng đại học thứ 2 hình thức đào tạo vừa làm vừa học.

Điều 2. Căn cứ để xét công nhận chuyển đổi điểm học phần

Căn cứ để xét là chương trình đào tạo đại học vừa làm vừa học hiện hành của ngành/chuyên ngành sinh viên được xếp vào học và bảng điểm văn bằng đại học thứ 1

Điều 3. Nguyên tắc xét công nhận chuyển đổi điểm học phần

1. Quy đổi số đơn vị học trình (ĐVHT)/số tiết/số tín chỉ (TC) của các học phần/môn học (sau đây gọi là môn học) trong chương trình đào tạo VLVH sang số tín chỉ theo nguyên tắc:

- 2 ĐVHT= 30 tiết = 1 tín chỉ
- 3 ĐVHT= 45 tiết = 2 tín chỉ
- 4 ĐVHT= 60 tiết = 3 tín chỉ
- 5 ĐVHT= 75 tiết= 4 tín chỉ

2. Xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập từ văn bằng đại học thứ 1 sang văn bằng đại học thứ 2 hình thức VLVH trong chương trình đào tạo đại học tại Trường Đại học Kinh tế Nghệ An theo nguyên tắc sau:

- a. Môn học có cùng tên gọi (hoặc tương tự) và có số ĐVHT/TC tương đương trở lên so với môn học ở bậc đại học thì được chuyển điểm.
- b. Môn học được xác định là hợp nhất từ hai hay nhiều môn học đã học ở VB1 và có tổng số ĐVHT/TC tương đương trở lên thì được chuyển điểm. Điểm đánh giá học phần ở bậc đại học là điểm trung bình chung có trọng số (theo số ĐVHT/TC) các môn học thành phần đã học ở VB1.
- c. Môn học thuộc chương trình đào tạo đại học VLVH hiện hành của ngành, chuyên ngành đạt từ điểm 5 (thang điểm 10) hoặc điểm D' (nếu bảng điểm ghi điểm chữ) trở lên.
- d. Môn học Giáo dục thể chất và học phần Giáo dục quốc phòng ở VB2 hình thức VLVH được miễn học nếu ở VB1 đã xác định có chứng chỉ hoặc đạt



yêu cầu về điểm số.

e. Điểm công nhận chuyển đổi được tính điểm theo thang điểm 10, được quy đổi theo thang điểm chữ và thang điểm 4.

f. Nếu trên bảng điểm đại học thứ nhất chỉ ghi điểm theo thang điểm chữ hoặc thang điểm 4, thì điểm được công nhận chuyển đổi là điểm trung bình cộng của cận dưới và cận trên khoảng điểm thang điểm 10 theo quy định sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Đổi từ thang điểm chữ sang thang 10
1	Từ 8,5 đến 10	A	4,0	9,3
2	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5	8,2
3	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0	7,5
4	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5	6,7
5	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0	6,0
6	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5	5,2

Điều 4. Quy trình thực hiện xét chuyển đổi kết quả học tập

Bước 1: Trường xem xét các học phần dự kiến được chuyển đổi kết quả học tập và thông báo cho từng sinh viên;

Bước 2: Trường nhận ý kiến phản hồi, đơn đề nghị chuyển đổi kết quả học tập và thu lệ phí xét, công nhận kết quả học tập từ sinh viên;

Bước 3: Hội đồng xét và công nhận chuyển đổi kết quả học tập;

Bước 4: Hiệu trưởng ký quyết định công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho sinh viên;

Bước 5: Thông báo kết quả chính thức cho sinh viên.

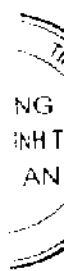
Bước 6: Nhập điểm chuyển đổi kết quả học tập vào Hệ thống Quản lý đào tạo.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hàng năm, Hiệu trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập để triển khai công tác xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập.

2. Phòng Quản lý đào tạo là đơn vị thường trực có trách nhiệm tổ chức, triển khai và báo cáo Hội đồng xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập, trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận chuyển đổi kết quả học tập. Phối hợp với các đơn vị trong Trường để thực hiện các công việc liên quan đến quá trình xét và công nhận kết quả học tập.

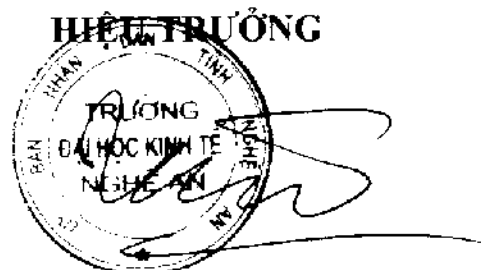
3. Quyết định và Danh sách công nhận chuyển đổi kết quả học tập được lưu trữ theo quy định hiện hành.



4. Sinh viên được chuyển đổi kết quả học tập học phần nào thì được miễn học và miễn thi học phần đó. Kết quả học tập được ghi trong bảng điểm cuối khóa.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị đề xuất với Hiệu trưởng thông qua Phòng Quản lý Đào tạo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Dương Xuân Thao

